



BÁO CÁO

KINH TẾ VĨ MÔ

Tháng 8/2020

VIỆN ĐÀO TẠO VÀ NGHIÊN CỨU

❖ **Kinh tế thế giới**, vẫn đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức khi tình hình dịch Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp tại Mỹ, Ấn Độ, Braxin; trong khi làn sóng lây nhiễm lần thứ 2 ngày càng rõ nét và chưa được kiểm soát tại nhiều nước...v.v. Kinh tế hầu hết các nước suy giảm mạnh trong quý 2. Từ tháng 7, Chính phủ và NHTW các nước tiếp tục nỗ lực ngăn chặn dịch bệnh, đồng thời đưa ra nhiều biện pháp mạnh mẽ hơn để phục hồi nền kinh tế.

❖ **Trong nước**, kinh tế Việt Nam ghi nhận một số tín hiệu tích cực: dịch bệnh sau khi bùng phát trở lại đến nay đã cơ bản được kiểm soát; thặng dư thương mại cao nhất trong vòng 4 năm, khu vực kinh tế trong nước tiếp tục là điểm sáng; giải ngân đầu tư công duy trì đà tăng tích cực; lạm phát giảm dần; tỷ giá ổn định; lãi suất tiếp tục xu hướng giảm; thị trường chứng khoán hồi phục khi dịch bệnh cơ bản được kiểm soát.

Tuy nhiên, về tổng thể, nền kinh tế vẫn đối mặt với nhiều khó khăn: hoạt động bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tháng 8/2020 giảm nhẹ do dịch bệnh quay trở lại; giá nhóm lương thực, thực phẩm tăng trở lại thách thức mục tiêu lạm phát; sản xuất công nghiệp tiếp tục khó khăn; thu hút vốn FDI có phần chững lại; thu ngân sách tiếp tục giảm, chi ngân sách tăng, khiến thâm hụt ngân sách dự báo tăng nhanh, nhưng chấp nhận được trong bối cảnh thực hiện mục tiêu kép; hoạt động doanh nghiệp tiếp tục gặp khó khăn.

Bảng 1: Một số chỉ tiêu kinh tế Việt Nam 8 tháng đầu năm 2018-2020

Các chỉ tiêu	TH 8T/2017	TH 8T/2018	TH 8T/2019	TH 8T/2020	DB 2020
Tăng trưởng GDP (% , yoy)	5,73(6T)	7,05(6T)	6,76(6T)	1,81(6T)	1,5-2,0
CPI bình quân (% , yoy)	3,85	3,52	2,56	3,96	3,5-3,8
Chỉ số SXCN - IIP (% , yoy)	8,2	10,8	9,5	2,2	4-5
Bán lẻ hàng hóa và DV tiêu dùng (nghìn tỷ đồng)	2.580 (+10,3%)	2.860 (+11,2%)	3.226 (+11,6%)	3.225 (-0,02%)	4.842 (-2%)
Xuất khẩu (tỷ USD)	135,0 (+19,3%)	158,4 (+16,7%)	171,3 (+8,1%)	174,1 (+1,6%)	268-269 (+1→ 2%)
Nhập khẩu (tỷ USD)	135,9 (+22,5%)	153,7 (+12,4%)	165,9 (+8,0%)	162,2 (-2,2%)	250-251 (-1→ -2%)
Cán cân thương mại (tỷ USD)	-0,85	4,69	5,37	11,9	14-17
Vốn FDI đăng ký (tỷ USD)	23,4(+45,1%)	24,4 (+4,2%)	22,6 (-7,1%)	19,5 (-13,7%)	33-34 (-10%)
Vốn FDI thực hiện (tỷ USD)	10,3 (+5,1%)	11,3 (+9,2%)	12 (+6,3%)	11,4 (-5,1%)	19-20 (-5%)
Tăng trưởng tín dụng (%)	10,8	8,98	8,16	3,45(7T)	8-9
Biến động tỷ giá thị trường (VND/USD so đầu năm, %)	0,1	-2,6	-0,1	-0,01	-0,5→ -1
Số DN thành lập mới	85.357 (+16,3%)	87.448 (+2,4%)	90.487 (+3,5%)	88.650 (-2,0%)	130.000 (-5,8%)
Số DN quay trở lại hoạt động	19.154 (+2,4%)	20.942 (+9,3%)	25.512 (+21,8%)	32.624 (+27,9%)	42.000 (+6,6%)
Số DN tạm ngừng hoạt động	17.231 (+15,5%)	21.575 (+25,2%)	20.074 (-7%)	34.288 (+70,8%)	45.000 (+56,8%)
Số DN hoàn tất giải thể	7.754 (+3,7%)	9.135 (+17,8%)	10.555 (+15,5%)	10.353 (-1,9%)	19.300 (+15%)

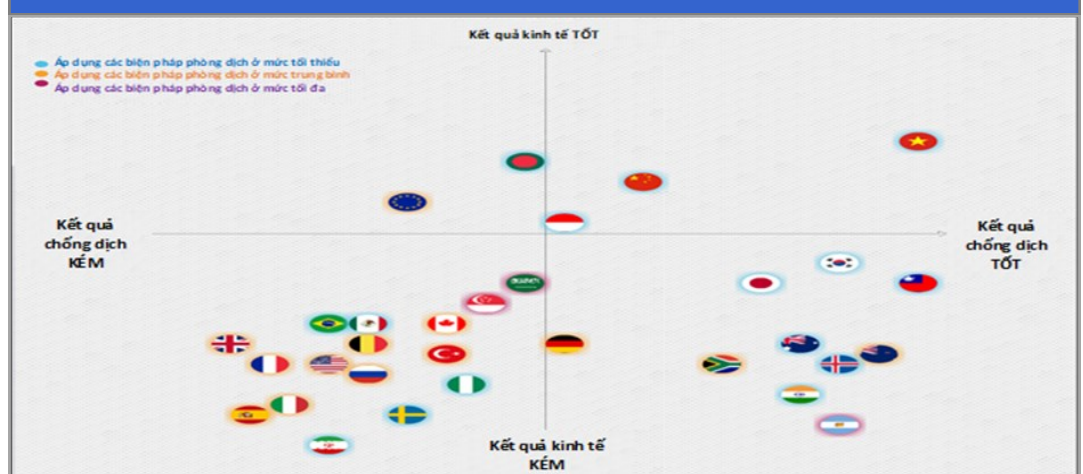
* Số liệu xuất nhập khẩu và cán cân thương mại 8 tháng năm 2020 cập nhật từ TCTK

Nguồn: Tổng hợp từ TCTK, TCHQ, Bộ KHĐT và Dự báo của Viện Đào tạo và Nghiên cứu BIDV.

BỐI CẢNH QUỐC TẾ

Kinh tế thế giới không có nhiều thay đổi tích cực do diễn biến và hậu quả của đại dịch Covid-19. Chính phủ và Ngân hàng Trung ương (NHTW) các nước đã có nhiều nỗ lực ngăn chặn làn sóng dịch Covid-19 thứ hai, đồng thời đưa ra nhiều biện pháp hỗ trợ mạnh mẽ hơn để phục hồi nền kinh tế. Trong tháng 8, nhiều nước đã chính thức công bố chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế quý 2/2020, qua đó cho thấy, đối với mục tiêu kép vừa kiểm soát dịch bệnh vừa phát triển kinh tế, chỉ có rất ít nước tương đối thành công, một số nước đã phải “hy sinh lợi ích kinh tế” để đảm bảo sức khoẻ cho người dân. Hình 1 chỉ rõ hiệu quả các biện pháp vừa chống dịch vừa hồi phục kinh tế. Nhiều nước có kết quả chống dịch kém và phục hồi kinh tế rất chậm trong thời gian qua đều có điểm chung là dịch bệnh bùng phát mạnh, phức tạp (một số nước áp dụng các biện pháp phòng dịch không hợp lý, không theo khuyến cáo của WHO), buộc phải áp dụng các biện pháp mạnh như đóng cửa biên giới, tạm ngừng nhiều hoạt động sản xuất - kinh doanh, làm tăng thất nghiệp (như Anh, Ý, Pháp, Tây Ban Nha, Mỹ...). Trong khi đó, các nước có kết quả chống dịch tốt nhưng vẫn suy giảm kinh tế mạnh do phụ thuộc nhiều vào thương mại quốc tế (như Hàn Quốc, Đài Loan, Úc...) dù hoạt động kinh tế trong nước không bị ảnh hưởng lớn do đã áp dụng các biện pháp chống dịch hợp lý. Chỉ có một số ít quốc gia (như Việt Nam, Trung Quốc,...) được đánh giá là vừa thành công trong phòng chống dịch bệnh vừa duy trì tăng trưởng kinh tế dương, mặc dù cũng đều trải qua khó khăn rất lớn trong thời gian qua.

Hình 1: Cập nhật kết quả kinh tế và phòng chống đại dịch Covid-19 của một số quốc gia



Nguồn: Politico.com.

Kinh tế Mỹ - Fed dùng biện pháp mạnh để hồi phục nền kinh tế khủng hoảng chưa từng có.

Kinh tế Mỹ chính thức suy thoái sau 2 quý liên tiếp suy giảm (-5% trong quý 1 và -9,5% trong quý 2 so với cùng kỳ năm trước). Đây là mức suy giảm sâu nhất từ trước đến nay, khiến nhiều doanh nghiệp đóng cửa, người lao động bị mất việc làm, hệ quả làm giảm mạnh nhu cầu tiêu dùng của người dân và doanh nghiệp. Tuy nhiên, trong tháng 7 và 8, kinh tế Mỹ đã xuất hiện một số dấu hiệu hồi phục. Tỷ lệ thất nghiệp đã giảm mạnh từ mức đỉnh 14,7% trong tháng 4 xuống còn 10,2% trong tháng 7; chỉ số PMI sản xuất tăng từ 50,9 điểm trong tháng 7 lên 53,6 điểm trong tháng 8; chỉ số PMI dịch vụ cũng tăng từ 50 điểm trong tháng 7 lên 54,8 điểm trong tháng 8. Để hỗ trợ doanh nghiệp và hồi phục nền kinh tế, Fed tiếp tục giữ nguyên mức lãi suất 0-0,25% (ngày 30/7/2020); đồng thời Fed đã công bố mục tiêu dài hạn và chiến lược chính sách tiền tệ, trọng tâm là đề ra mục tiêu lạm phát mới (dao động trên mức 2%), giữ lãi suất thấp và sẽ duy trì dài hạn. Đây là động thái thay đổi chính sách lớn nhằm hỗ trợ việc làm nói riêng và toàn nền kinh tế nói chung. Trong tháng 8, Fed dự báo kinh tế Mỹ có thể giảm -6,5% trong năm 2020; trong khi đó, IMF và WB (tháng 6/2020) dự báo kinh tế Mỹ suy giảm từ -6,1% đến -8% .

BỐI CẢNH QUỐC TẾ

Kinh tế khu vực châu Âu suy giảm sâu trong quý 2, triển vọng hồi phục kinh tế phụ thuộc nhiều vào quyết tâm hành động chung của các nước thành viên

Trung Quốc cơ bản kiểm soát được dịch bệnh và bắt đầu hồi phục kinh tế; song đối mặt với nhiều rủi ro thiên tai và căng thẳng với các đối tác kinh tế lớn

Kết quả tăng trưởng kinh tế quý 2 của các nước **khu vực EU** được công bố trong nửa cuối tháng 8 đã cho thấy các nền kinh tế hàng đầu khu vực đã bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi dịch Covid-19 như Đức -11,3%, Pháp -18,9%, Tây Ban Nha -22,1%, Ý -17,3%,... Trong tháng 8/2020, về cơ bản, dịch bệnh đã được kiểm soát (dù vẫn còn lây lan tại một số nước), tạo điều kiện để kinh tế hồi phục trở lại; đồng thời các nước thành viên đạt được đồng thuận về gói tài chính hỗ trợ phục hồi kinh tế khu vực trị giá 1.000 tỷ EUR (1.200 tỷ USD) cho 7 năm tới. Kinh tế khu vực có dấu hiệu tích cực, chỉ số PMI sản xuất tháng 8 đạt 51,7 điểm (tương đương mức 51,8 điểm của tháng 7) nhưng chỉ số PMI dịch vụ giảm xuống mức 50,1% (từ mức 54,7 điểm trong tháng 7). Về triển vọng, Ủy ban châu Âu (EC, tháng 7/2020) dự báo kinh tế khu vực EU suy giảm -8,7% năm 2020 và hồi phục +6,1% năm 2021; trong khi đó, IMF và WB (tháng 6/2020) dự báo kinh tế khu vực EU có thể suy giảm -6,8% đến -8,2% năm nay nhưng sẽ hồi phục +1,9% đến +5,4% vào năm 2021.

Từ tháng 4 đến nay, Trung Quốc dần kiểm soát dịch bệnh và đã có sự hồi phục kinh tế đáng ghi nhận; là nền kinh tế lớn có tăng trưởng dương trong quý 2 (+3,2%) và cũng được dự báo sẽ tăng trưởng dương (+1%) năm 2020. Theo số liệu công bố mới nhất trong tháng 8 cho thấy kinh tế Trung Quốc vẫn giữ được đà phục hồi nhờ: (i) sự mở cửa trở lại của nền kinh tế toàn cầu, (ii) nhu cầu thế giới tăng mạnh đối với các sản phẩm y tế, (iii) đầu tư công cho cơ sở hạ tầng y tế. Xuất khẩu hàng hoá tăng nhanh trong tháng 7 và sản xuất công nghiệp tăng trưởng ổn định dù thiên tai, lũ lụt diễn biến phức tạp và nghiêm trọng tại các hầu hết các tỉnh, gây thiệt hại đáng kể. Ngoài ra, kinh tế Trung Quốc vẫn đối mặt với những căng thẳng với các đối tác kinh tế lớn (Mỹ, Ấn Độ); trong khi đó chi tiêu cá nhân giảm liên tục và doanh số bán lẻ ở mức thấp từ đầu năm đến nay bởi những biện pháp giãn cách xã hội cũng như niềm tin của người tiêu dùng thấp trong bối cảnh dịch bệnh có thể bùng phát trở lại. IMF, WB (6/2020) dự báo kinh tế Trung Quốc tăng +1% đến +1,3% năm 2020 và bật tăng +6,9% đến +8,2% năm 2021.

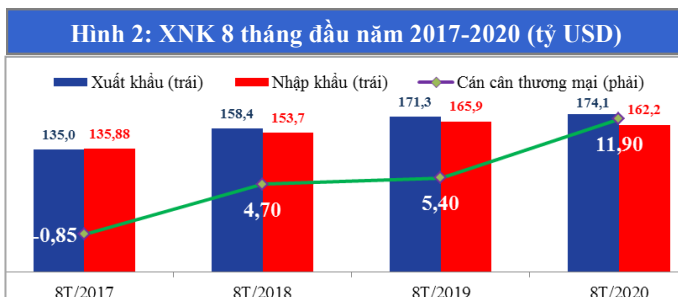
TÌNH HÌNH KINH TẾ TRONG NƯỚC 8 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

1. Năm (5) điểm sáng

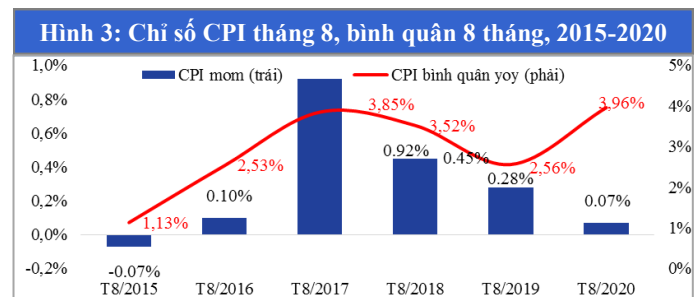
Kinh tế Việt Nam tiếp tục ghi nhận một số tín hiệu hồi phục, thể hiện ở **5 điểm tích cực**:

Dịch bệnh sau khi bùng phát trở lại đến nay đã cơ bản được kiểm soát

Kể từ khi dịch bệnh bùng phát tại Đà Nẵng từ cuối tháng 7/2020, dịch bệnh diễn biến phức tạp và lây lan sang một số tỉnh khác như Quảng Nam, Hải Dương, TP Hồ Chí Minh, Hà Nội, Bà Rịa - Vũng Tàu... Tuy nhiên, với sự chỉ đạo quyết liệt và kịp thời của Chính phủ, Bộ ngành và địa phương... đã góp phần ngăn chặn đà lây nhiễm và đến nay, tình hình dịch bệnh về cơ bản đã được kiểm soát, kể cả các ổ dịch tại Đà Nẵng, Quảng Nam, Hải Dương. Việc nhanh chóng kiểm soát được dịch bệnh đã làm giảm đáng kể thiệt hại về người, giúp nhanh chóng khôi phục lại các hoạt động kinh tế - xã hội, từ đó tạo cơ sở cho sự phục hồi kinh tế 4 tháng cuối năm 2020 và lấy lại đà tăng trưởng mạnh hơn năm 2021.



Nguồn: TCTK.



Nguồn: Bloomberg.

Thặng dư thương mại cao nhất trong vòng 4 năm, khu vực kinh tế trong nước tiếp tục là điểm sáng

XNK tiếp tục diễn biến trái chiều, trong khi XK 8T/2020 tăng nhẹ +1,6% so với cùng kỳ 2019 (đạt 174,1 tỷ USD) thì NK lại giảm -2,2% so với cùng kỳ 2019 (162,2 tỷ USD). Do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, nhiều nhóm hàng XK chủ chốt tiếp tục sụt giảm so với cùng kỳ như dệt may (-11,6%), phương tiện vận tải và phụ tùng (-9,5%); điện thoại và linh kiện (-5,5%), giày dép (-8,6%), rau quả (-11,3%), hạt tiêu (-20%), thủy sản (-5,3%),...; hai nhóm hàng NK là hàng tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng giảm lần lượt -1,7% và -9,2%. Về thị trường, chỉ có 2/6 thị trường giữ được đà tăng là Mỹ (+19%) và Trung Quốc (+13%), các thị trường ASEAN, Nhật Bản, EU và Hàn Quốc giảm lần lượt -13,6%; -6,1%; -4% và -1,5%. Việc XK và NK diễn biến trái chiều khiến cán cân thương mại ghi nhận mức thặng dư 11,9 tỷ USD, mức cao nhất trong vòng 4 năm qua, với điểm sáng là khu vực kinh tế trong nước (XK của khu vực kinh tế trong nước 8T/2020 tăng +15,3% và NK tăng +2,9% so với cùng kỳ 2019). Dự báo, với tốc độ giảm ít hơn của XK so với NK và khả năng kiểm soát dịch bệnh, khôi phục nhu cầu của thế giới, cán cân thương mại năm 2020 dự kiến sẽ đạt mức xuất siêu khoảng 14-17 tỷ USD.

Lạm phát đang giảm dần; tỷ giá ổn định, lãi suất tiếp tục xu hướng giảm

Chỉ số CPI tháng 8 tăng nhẹ +0,07% so với tháng trước, với 7/11 nhóm hàng hóa tăng giá (chủ yếu là giá các nhóm giáo dục tăng 0,18% do điều chỉnh học phí ở 1 số địa phương, lương thực, thực phẩm thiết yếu tăng mạnh như gạo (+0,79%), rau tươi (+1,96%), trứng (+0,84%), hoa quả (+0,17%)...), trong khi giá nhóm giao thông hạ nhiệt do giá xăng dầu giảm và nhu cầu đi lại giảm khi dịch Covid-19 bùng phát trở lại (chỉ tăng +0,1% so với tháng trước, thấp hơn nhiều mức tăng +3,91% của tháng 7). **Mục tiêu lạm phát bình quân dưới 4% là khả thi** khi CPI tháng 8 tăng +3,18% (thấp hơn so với mức tăng 3,38% của tháng 7) và **CPI bình quân 8T/2020 tăng +3,96%** (so với mức tăng +4,07% của 7 tháng) so với cùng kỳ năm 2019. **Lạm phát cơ bản tháng 8/2020 giảm -0,01%** so với tháng trước và **bình quân 8 tháng tăng +2,66%** (thấp hơn mức tăng +2,74% của 7 tháng) so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, không được chủ quan vì dự báo giá hàng hóa thiết yếu có thể tăng nhẹ trong những tháng cuối năm 2020 do ảnh hưởng của dịch Covid-19 và thiên tai, lũ lụt; đòi hỏi phối hợp chính sách tiền tệ, tài khóa và giá cả tốt hơn nữa.

Tỷ giá USD/VND trong tháng 8 tiếp tục ổn định, gần như không thay đổi khi nguồn cung ngoại tệ dồi dào, đồng USD tiếp tục giảm giá đã tạo điều kiện cho

NHNN gia tăng dự trữ ngoại hối. Đến ngày 31/8/2020, tỷ giá giao dịch liên ngân hàng ở mức 23.175, tăng 0,03% so với cuối tháng 7, **tăng nhẹ 0,01% so với đầu năm** và tỷ giá trung tâm ở mức 23.20, giảm -0,06% so với tháng 7 song tăng +0,19% so với đầu năm. Với dự trữ ngoại hối ngày càng tăng, cung cầu ngoại tệ thuận lợi, dự kiến đến cuối năm 2020, tỷ giá VND/USD vẫn trong tầm kiểm soát, dao động quanh mức 23.288 -23.515 (tăng khoảng 0,5-1% so với đầu năm).

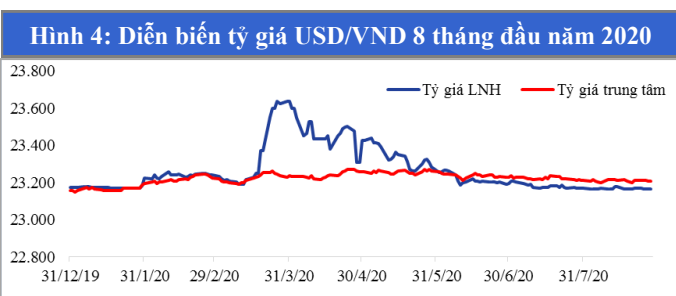
Lãi suất tiếp tục xu hướng giảm và đứng ở mức thấp nhờ thanh khoản dồi dào và nhu cầu tín dụng vẫn ở mức thấp khi dịch bệnh bùng phát tại một số địa phương cuối tháng 7 đã hạn chế phần nào hoạt động của người dân và DN. Bên cạnh đó, xu hướng hạ lãi suất huy động của các NHTM tiếp tục diễn ra trong tháng 8 và còn được thúc đẩy nhờ việc ngày 14/8, NHNN đã ban hành Thông tư 08/2020, theo đó gia hạn thêm 1 năm đối với lộ trình giảm tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn quy định tại Thông tư 22/2019. Mức giảm lãi suất huy động từ 0,1-0,2% (ở mức 3,5-4%) đối với các kỳ hạn từ 1-3 tháng, giảm khoảng 0,1% đối với kỳ hạn 9 tháng (ở mức 4-4,5%), trong khi các kỳ hạn trên 1 năm gần như không thay đổi (ở mức 5,5-7%). Lãi suất trên thị trường liên ngân hàng cũng duy trì ở mức thấp do thanh khoản dồi dào. Theo đó, lãi suất cho vay ngắn hạn tiếp tục duy trì ở mức thấp, tối đa không quá 5%/năm. Lãi suất cho vay trung - dài hạn giảm nhẹ trong tháng (0,2-0,5%) và nhiều NH tung các gói tín dụng cá nhân, tín dụng nhà ở với lãi suất hấp dẫn.

Giải ngân đầu tư công duy trì đà tăng tích cực

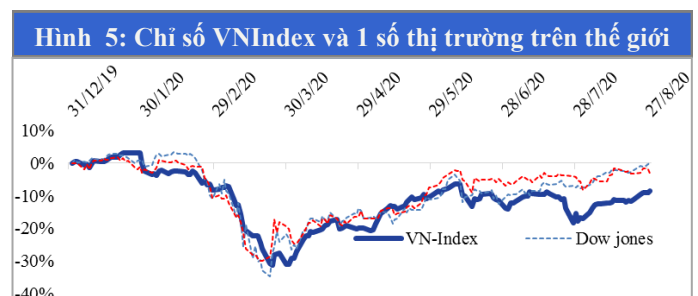
Kết quả thực hiện đầu tư công sau 8 tháng đầu năm tiếp tục khả quan. Giải ngân đầu tư từ nguồn NSNN trong tháng 8 đạt 47,4 nghìn tỷ đồng, tăng +45,4% so với cùng kỳ năm trước, cao nhất trong giai đoạn từ 2016 đến nay. Nếu phân theo phân cấp quản lý, giải ngân vốn do cấp Trung ương quản lý đạt 8,7 nghìn tỷ đồng, tăng mạnh +86,7%; trong khi cấp địa phương quản lý đạt 38,7 nghìn tỷ đồng, +38,5%. Với kết quả này, tổng mức thực hiện **8 tháng đầu năm đạt 250,5 nghìn tỷ đồng, bằng 50,7% kế hoạch và tăng +30,4%** so với cùng kỳ năm trước. Đây là kết quả của những nỗ lực của Chính phủ, các Bộ ngành, địa phương trong nhiều tháng qua trong nhằm thúc đẩy giải ngân đầu tư công, nhằm tạo đột phá để bù đắp động lực tăng trưởng cho nền kinh tế. Nếu được duy trì, nhiều khả năng giải ngân đầu tư công sẽ hoàn thành kế hoạch và có đóng góp lớn trong mức tăng trưởng chung cả năm; đồng thời tạo sự lan tỏa cho các khu vực kinh tế khác vẫn đang phải đối mặt với những khó khăn từ đại dịch Covid-19.

Thị trường chứng khoán hồi phục khi dịch bệnh cơ bản được kiểm soát

Thị trường chứng khoán (TTCK) có xu hướng hồi phục khi dịch bệnh cơ bản được kiểm soát và TTCK quốc tế phục hồi. Đến hết ngày 28/8, VNIndex tăng +10,1% so với cuối tháng 7, giúp lũy kế 8 tháng đầu năm chỉ giảm -8,5%; chỉ số Dow Jones của Mỹ tăng +8,4% trong tháng 8 và 8 tháng đầu năm đã hồi phục hoàn toàn mức giảm trước đó do dịch bệnh). Mặc dù vậy, NĐT nước ngoài lại đẩy mạnh bán ra khi giá trị bán ròng gần 3.000 tỷ đồng trong tháng 8 và 8 tháng đầu năm đã bán ròng gần 5.000 tỷ đồng (tương đương 215 triệu USD). Tuy nhiên, đây là mức thấp so với hầu hết các nước trong khu vực như Thái Lan (-7,8 tỷ USD), Phillipines (-1,7 tỷ USD), Indonesia (- 1,8 tỷ USD), Hàn Quốc (-22 tỷ USD) khi dịch Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp tại các nước này.



Nguồn: Bloomberg.



Nguồn: Bloomberg.

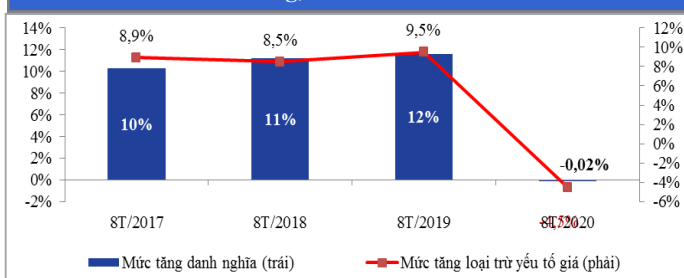
2. Năm (5) hạn chế, thách thức

Mặc dù hoạt động kinh tế trong nước đã cho thấy sự phục hồi tích cực khi dịch bệnh được kiểm soát, tuy nhiên vẫn còn **5 thách thức lớn**, cụ thể như sau:

Bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tháng 8/2020 giảm nhẹ do dịch bệnh quay trở lại

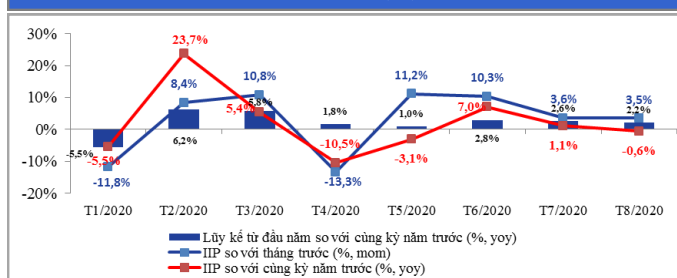
Hoạt động bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tháng 8/2020 đạt 422,9 nghìn tỷ đồng, giảm -2,7% so với tháng trước (song vẫn tăng +1,9% so với cùng kỳ năm 2019), do dịch Covid-19 bùng phát trở lại từ ngày 25/7 tại Đà Nẵng và lan sang một số tỉnh khác. **Lũy kế 8 tháng đầu năm 2020**, tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ đạt 3.225,1 nghìn tỷ đồng, **giảm nhẹ -0,02%** (giảm -4,5% nếu loại trừ yếu tố giá) so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, lũy kế 8 tháng, doanh thu bán lẻ ước đạt 2.553,6 nghìn tỷ đồng, tăng +4% so với cùng kỳ năm trước (nhất là các mặt hàng thiết yếu như lương thực, thực phẩm tăng +8%; đồ dùng, trang thiết bị gia đình tăng +5,4%); doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 322,5 nghìn tỷ đồng, giảm -16,4% (trong khi cùng kỳ năm trước tăng +9,8%), doanh thu du lịch lữ hành đạt 13,1 nghìn tỷ đồng, giảm -54,4% (cùng kỳ tăng +10%), chủ yếu là do diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, Việt Nam vẫn tiếp tục tạm dừng các đường bay đón khách quốc tế, các địa điểm tham quan phải đóng cửa trở lại, khách du lịch hủy tour, không thể thực hiện được các chính sách kích cầu du lịch nội địa dù tháng 8 là cao điểm du lịch hàng năm.

Hình 6: Tăng trưởng doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng, 8T/2017-2020



Nguồn: TCTK.

Hình 7: Diễn biến tăng trưởng sản xuất công nghiệp 8 tháng đầu năm 2020 (%)



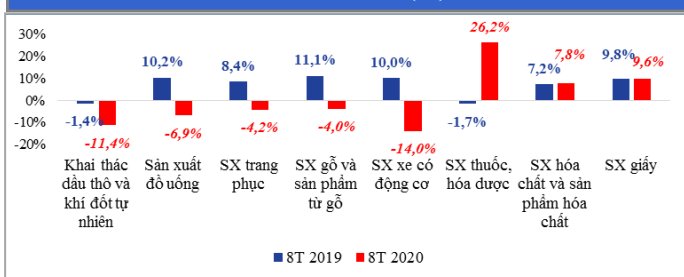
Nguồn: TCTK.

Sản xuất công nghiệp tiếp tục khó khăn

Sản xuất công nghiệp tiếp tục khó khăn trong bối cảnh dịch Covid-19 quay trở lại và lây lan tại một số tỉnh, chỉ số SXCN (IIP) tháng 8/2020 chỉ tăng +3,5% so với tháng trước (thấp hơn nhiều so với mức tăng của tháng 6/2020 (+10,3%), chỉ tương đương với tháng 7 (+3,6%)) và giảm -0,6% so với cùng kỳ năm 2019. Trong tháng 8, so với cùng kỳ năm trước, ngành khai khoáng giảm -5,1% (tốt hơn mức giảm -7,9% tháng 7/2020), ngành công nghiệp chế biến chế tạo giảm -0,1% (tháng 7 tăng +2,1%), sản xuất và phân phối điện giảm -0,7% (tháng 7 tăng +2,7%).

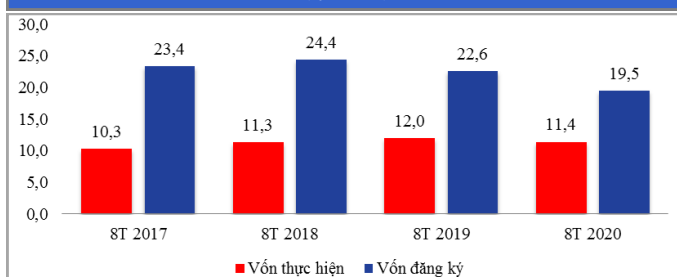
Tính chung 8 tháng đầu năm 2020, IIP chỉ tăng +2,2% so với cùng kỳ năm trước (thấp hơn nhiều so với mức tăng +9,5% cùng kỳ năm 2019); trong đó, ngành khai khoáng giảm -7% với lĩnh vực khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên giảm -11,4%; công nghiệp chế biến chế tạo chỉ tăng 3,7% (thấp hơn nhiều so mức tăng 10,6% cùng kỳ năm 2019). Nguyên nhân chủ yếu do dịch Covid-19 trên phạm vi toàn cầu vẫn phức tạp, khiến sản xuất gặp khó khăn, gián đoạn chuỗi cung ứng nguyên vật liệu...; ở trong nước, dịch bệnh bùng phát trở lại từ cuối tháng 7 khiến đà phục hồi của SXCN bị ảnh hưởng tiêu cực, ngoại trừ một số ngành liên quan đến y tế, thuốc chữa bệnh.

Hình 8: Chỉ số sản xuất công nghiệp một số ngành 8 tháng đầu năm 2019-2020 (%)



Nguồn: TCTK.

Hình 9: Tình hình thu hút vốn FDI 8 tháng các năm 2017-2020 (tỷ USD)



Nguồn: TCTK.

Thu hút vốn FDI có phần chững lại

Vốn FDI đăng ký 8 tháng đầu năm đạt 19,5 tỷ USD, giảm **-13,7%** so với cùng kỳ năm trước. Tuy mức giảm này thấp hơn so với mức giảm của 6 tháng đầu năm (-15,1%) nhưng cao hơn mức giảm của 7 tháng (-6,9%). Điều này cho thấy tâm lý nhà đầu tư nước ngoài vẫn còn khá e ngại với việc dịch Covid-19 quay trở lại tại Việt Nam từ cuối tháng 7. Tuy nhiên, tổng vốn đăng ký giảm vẫn chủ yếu do hình thức góp vốn cổ phần (giảm -48,2% so với cùng kỳ, đạt 4,9 tỷ USD trong 8 tháng đầu năm 2020). Các hình thức đăng ký cấp mới cũng như bổ sung lần lượt tăng +6,6% và +22,2% so với cùng kỳ 2019. Nếu phân theo đối tác, Singapore vẫn là nước có số vốn đăng ký mới chiếm tỷ trọng cao nhất, chiếm 47,2% tổng vốn đăng ký mới trong 8 tháng đầu năm; tiếp theo là Hàn Quốc, Trung Quốc với tỷ lệ lần lượt là 10,7% và 10,5%.

Về giải ngân, vốn FDI thực hiện sau 8 tháng đạt 11,4 tỷ USD, giảm **-5,1%** so với cùng kỳ năm 2019 (7 tháng đầu năm giảm -4,1% so với cùng kỳ). Tuy nhiên, đây vẫn là một kết quả đáng ghi nhận, tiếp tục xu hướng cải thiện so với 6 tháng đầu năm, phản ánh sự nỗ lực của Việt Nam trong thu hút FDI và Việt Nam vẫn là địa chỉ tin cậy đối với các NĐTNN, đặc biệt trong bối cảnh đại Covid-19 vẫn chưa được kiểm soát tại nhiều nước và FDI được dự báo sẽ sụt giảm mạnh (-40%) trên toàn cầu.

Thu ngân sách tiếp tục giảm, chi ngân sách tăng, khiến thâm hụt ngân sách dự báo tăng nhanh, nhưng chấp nhận được trong bối cảnh thực hiện mục tiêu kép

Bối cảnh kinh tế khó khăn do dịch bệnh và việc triển khai được khoảng 30% gói hỗ trợ tài khóa đã khiến thu NSNN tính đến 15/8/2020 tiếp tục giảm **-12,8%** so với cùng kỳ 2019, trong khi đó, việc đẩy mạnh giải ngân các gói hỗ trợ và đầu tư công khiến chi NSNN tính đến 15/8/2020 tăng +9,98% so với cùng kỳ 2019. Trong khi tốc độ giảm thu XNK đã chững lại (giảm -20,9%, tương đương với mức giảm của 7T/2020) thì thu từ dầu thô và thu nội địa vẫn giảm mạnh (lần lượt giảm -33,3% và -10,3% so với cùng kỳ). Thâm hụt NSNN/GDP tiếp tục gia tăng (hết 8T/2020 ở mức **4,1%**, tăng 0,2 điểm% so với 7T/2020), tuy nhiên, cùng với tín hiệu tốt về gia tăng đầu tư công, tỷ lệ chi đầu tư phát triển/tổng chi NSNN cũng đạt mức cao nhất trong vòng 6 năm (ở mức 22,7%). Với sự gia tăng các khoản chi NSNN để ứng phó với diễn biến mới của dịch Covid-19 và hỗ trợ phục hồi kinh tế, dự báo thâm hụt NSNN/GDP cả năm 2020 sẽ ở mức **5,2-5,4%**, cao hơn mục tiêu đề ra từ đầu năm (dưới 4%), song vẫn thấp hơn mức trung bình các nước mới nổi (khoảng 10,6%).

Hoạt động doanh nghiệp tiếp tục gặp khó khăn

Do dịch bệnh khiến tiêu dùng phục hồi vẫn chậm và hoạt động xuất khẩu khó tăng, nên vẫn tiếp tục tạo nhiều thách thức cho khu vực doanh nghiệp. Số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới trong tháng 8 dù tăng nhẹ (+1,5%) so với tháng trước, nhưng lũy kế 8 tháng giảm **-2%** so với cùng kỳ năm trước (có tốt hơn mức -5,1% của 7 tháng); số việc làm tạo mới 8 tháng giảm **-16,5%** so với cùng kỳ năm 2019 (có tốt hơn mức giảm -19,5% của 7 tháng); số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong tháng 8 giảm -1,3% so với tháng trước, song tăng mạnh 200,9% so với cùng kỳ năm trước giúp số DN quay trở lại hoạt động trong 8 tháng đầu năm tăng +27,9% so với cùng kỳ (cao hơn so với mức tăng 21,8% của cùng kỳ năm 2019). Có thể 1 số DN đã cơ cấu lại hoạt động và chuyên hướng kinh doanh, nhất là sang các lĩnh vực như thương mại điện tử, KD số.

Tuy nhiên, điểm đáng lưu ý là **lũy kế 8 tháng đầu năm, số DN tạm ngừng kinh doanh** có thời hạn gần 34,3 nghìn DN, **tăng +70,8%** so với cùng kỳ năm trước, trong đó số DN trong ngành dịch vụ tăng +73,3% (đặc biệt là dịch vụ lưu trú và ăn uống +89,7%, kinh doanh BĐS +136,1%, dịch vụ việc làm, du lịch +85,5%...v.v.), trong ngành công nghiệp và xây dựng tăng +66,2% (trong đó xây dựng +69,2%, công nghiệp chế biến chế tạo +66,1%) và ngành nông-lâm-nghiệp thủy sản tăng +42,6%. Điều đó cho thấy dịch bệnh Covid-19 đã ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến tình hình hoạt động của các DN; đòi hỏi các gói hỗ trợ của Chính phủ cần được mở rộng, quyết liệt thúc đẩy triển khai nhanh, trúng, đúng, hiệu quả hơn nữa

TIÊU ĐIỂM

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÁC GÓI HỖ TRỢ VÀ ĐỀ XUẤT GÓI MỚI

Như trên đã điểm, kinh tế thế giới đã chính thức bước vào suy thoái. Các dự báo lớn đều nhận định khả năng GDP toàn cầu suy giảm 4-6% năm 2020, nhưng nếu kiểm soát được dịch bệnh và có vaccine từ đầu năm 2021, thì kinh tế thế giới sẽ phục hồi mạnh, có thể đạt mức tăng trưởng 3-4% năm 2021. Đối với Việt Nam, tăng trưởng kinh tế năm 2020 dự báo ở mức khoảng 1,5-2% và năm 2021 phục hồi mạnh, khoảng 6,8-7% (theo WB, IMF và Viện ĐTNC). Trong bối cảnh đó, **Chính phủ, các Bộ, ngành, NHNN Việt Nam đã nhanh chóng ban hành nhiều chính sách hỗ trợ chưa có tiền lệ nhằm hỗ trợ người dân và DN vượt qua khó khăn và phục hồi nền kinh tế. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân, quá trình triển khai rất chậm và chưa đạt kết quả và hiệu quả như mong muốn.**

Các chính sách, gói hỗ trợ hiện nay của Chính phủ Việt Nam (giai đoạn 1)

Đến nay, Chính phủ Việt Nam đã có 4 gói hỗ trợ (tổng giá trị thực – tức là tổng chi phí mà Chính phủ và hệ thống NH cam kết bỏ ra ước tính khoảng 181,4 nghìn tỷ đồng, tương đương khoảng 3% GDP năm 2019), bao gồm:

- **Gói hỗ trợ tài khóa** với giá trị ước tính 73,1 nghìn tỷ đồng (1,2% GDP) theo Nghị quyết 41 (tháng 4/2020): bao gồm các biện pháp cho phép miễn, giảm thuế, phí, lệ phí (khoảng 69,3 nghìn tỷ đồng) và gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất (khoảng 180 nghìn tỷ đồng trong 5 tháng, song thực chất là giãn, hoãn nộp và người dân, doanh nghiệp vẫn phải trả khi đến hạn, giá trị hỗ trợ ở đây chính là phần không tính lãi khi gia hạn, ước tính 3.825 tỷ đồng). Theo các báo cáo, tổng số tiền gia hạn tính đến 30/7 mới chỉ là 53.645 tỷ đồng, chiếm khoảng 30% quy mô gói hỗ trợ. Nguyên nhân là do: (i) Các DN kinh doanh thua lỗ, không có doanh thu, hoạt động cầm chừng; (ii) một số DN đã nộp tiền thuế TNDN năm 2019 ngay trong quý 1/2020; (iii) một số DN đã trả tiền thuê đất từ đầu năm nên số tiền còn phải nộp không nhiều hoặc không có nhu cầu giãn, hoãn; và (iv) tâm lý e ngại thủ tục rườm rà.

- **Gói hỗ trợ tiền tệ - tín dụng** giá trị ước tính 36,6 nghìn tỷ đồng (0,6% GDP) bao gồm: (i) phần giảm lãi suất khi các tổ chức tín dụng (TCTD) cho vay mới với lãi suất ưu đãi (giảm 1-2,5%/năm so với thông thường) với quy mô cam kết khoảng 600 nghìn tỷ đồng, (ii) các TCTD cơ cấu lại thời hạn trả nợ mà vẫn giữ nguyên nhóm nợ (không tính lãi phạt); (iii) miễn, giảm lãi (giảm 0,5-1,5% cho các khoản vay hiện hữu bị ảnh hưởng); (iv) miễn, giảm phí, nhất là phí thanh toán và một số phí dịch vụ khác...v.v. Các khoản hỗ trợ này dẫn đến giảm lợi nhuận trước thuế (giảm 20-25%) cả năm 2020 của các TCTD và giảm thu ngân sách tương ứng. Song song với đó, **NHNN cũng đã 2 lần giảm các lãi suất điều hành, giúp các TCTD có điều kiện giảm lãi suất.** Theo NHNN, đến ngày 13/7/2020, các TCTD đã cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho hơn 272.000 khách hàng với dư nợ hơn 210 nghìn tỷ đồng; miễn, giảm, hạ lãi suất cho 435.000 khách hàng với dư nợ hơn 1,27 triệu tỷ đồng; cho vay mới lãi suất ưu đãi với doanh số lũy kế đạt 1,17 triệu tỷ đồng cho hơn 247.000 khách hàng.

- **Gói an sinh – xã hội:** thực tế có giá trị khoảng 45,8 nghìn tỷ đồng (0,8% GDP), chứ không phải 62 nghìn tỷ đồng (bởi vì chi phí của gói hỗ trợ cho vay trả lương về bản chất chỉ là phần tiền lãi không tính do lãi suất là 0% – khoảng 390 tỷ đồng); đến hạn, DN vẫn phải trả lại phần tiền gốc đã vay. Tính đến ngày 13/7/2020, đã thực hiện giải ngân khoảng 11,6 nghìn tỷ đồng để hỗ trợ 11,5 triệu người và 9.400 hộ kinh doanh. Nhìn chung, công tác chi trả về cơ bản đã đảm bảo đúng đối tượng, song tiến độ còn rất chậm; gói 16.000 tỷ đồng cho vay hỗ trợ trả lương chưa giải ngân được do: (i) điều kiện đặt ra còn chưa phù hợp, chưa sát thực tiễn, (ii) qui trình, thủ tục còn phức tạp, xử lý lâu khiến nhiều DN e ngại, và (iii) nhiều DN tự xoay sở.

- **Các gói hỗ trợ khác với tổng giá trị 26 nghìn tỷ đồng (0,43% GDP)** bao gồm gói hỗ trợ giảm 10% giá điện của EVN trị giá 10.900 tỷ đồng và gói hỗ trợ giảm giá dịch vụ viễn thông trị giá 15.000 tỷ đồng. Đến hết ngày 30/6/2020,

EVN đã giảm giá, giảm tiền điện cho 26,79 triệu khách hàng với tổng số tiền 6.800 tỉ đồng (62,4%). Đối với gói giảm giá dịch vụ viễn thông, hiện chưa có thông tin công bố kết quả thực hiện cụ thể.

Như vậy, có thể thấy trong 4 gói hỗ trợ, thì gói tiền tệ - tín dụng và giảm tiền điện đạt kết quả khả quan, còn lại rất chậm và còn vướng mắc, cần sớm khắc phục.

Trong thời gian tới, Chính phủ cần tập trung tháo gỡ vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ và triển khai hiệu quả các gói hỗ trợ hiện tại để góp phần giảm thiểu các tác động do dịch bệnh gây ra. Theo đó, **đối với gói tài khóa**, cần: (i) sớm quyết định cho phép gia hạn thời gian giãn, hoãn thuế, tiền thuê đất (trước mắt là hết năm 2020 hoặc hết quý 2/2021) để DN đỡ khó khăn về thanh toán chi phí; trình Quốc hội xem xét, phê chuẩn vào kỳ họp tháng 10/2020; (ii) Rà soát để tiếp tục miễn, giảm 1 số khoản phí khác. **Đối với gói tiền tệ - tín dụng**, sớm sửa đổi Thông tư 01 (mở rộng đối tượng hỗ trợ và gia hạn thời gian giãn, hoãn nợ, cân nhắc thời điểm phải chuyển nhóm nợ cho phù hợp để giảm bớt khó khăn cho các tổ chức tín dụng, tránh nợ xấu tăng đột biến...v.v.).

Đối với gói an sinh xã hội, cần sớm sửa đổi Quyết định 15/2020/QĐ-TTg (nhất là gói cho vay hỗ trợ trả lương; cần nói điều kiện và thời hạn cho vay nên dài hơn, từ 6-12 tháng), đồng thời xem xét mở rộng đối tượng hỗ trợ sang cả lao động phi chính thức như đề xuất dưới đây.

Song song với việc tháo gỡ vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ các gói hỗ trợ giai đoạn 1, chúng tôi đề xuất cần sớm xây dựng **một số chính sách, gói hỗ trợ bổ sung (giai đoạn 2) với giá trị khoảng 150 nghìn tỷ đồng (tương đương 2,5% GDP) từ quý 4/2020 đến hết năm 2021**. Như vậy, **tổng giá trị các gói hỗ trợ của cả 2 giai đoạn sẽ vào khoảng 331,4 nghìn tỷ đồng (5,5% GDP)**, sẽ khiến thâm hụt NSNN tăng thêm **khoảng 1% GDP mỗi năm 2020-2021** (so với trường hợp không bổ sung). Cụ thể:

- **Gói tài khóa mới** trị giá khoảng **51 nghìn tỷ đồng**, tương đương **0,85% GDP**, gồm: (i) Tiếp tục gia hạn giãn, hoãn thuế và tiền thuê đất thêm 10 tháng nữa (đến hết tháng 6/2021); quy mô 360 nghìn tỷ đồng, song chi phí thực chất là không tính phí giãn, hoãn nộp (tương đương lãi suất gửi tiền 10 tháng tại ngân hàng) và người dân, DN vẫn phải trả khi đến hạn, giá trị hỗ trợ ước tính 7.650 tỷ đồng; (ii) điều chỉnh giảm thuế thu nhập DN từ 20% xuống 15-17% đối với DNNVV (từ năm 2021), như Luật hỗ trợ DNNVV đã cho phép, với tổng mức giảm thu ngân sách sẽ vào khoảng 2.881 tỷ đồng; (iii) Xem xét giảm 1% thuế VAT trong năm 2021 nhằm thúc đẩy tiêu dùng trong nước (giảm thu ngân sách khoảng 37.576 tỷ đồng); (iv) Hỗ trợ lãi suất, tăng khả năng tiếp cận vốn cho DNNVV bằng cách tăng cho vay qua Quỹ phát triển DNNVV và khởi động hoạt động thực chất của các quỹ bảo lãnh vay vốn DNNVV (quy mô gói tín dụng ưu đãi này khoảng 60 nghìn tỷ đồng). Việc cho vay thực hiện qua Quỹ phát triển DNNVV và NHTM. Thời hạn cho vay tối thiểu là 1 năm, lãi suất khoảng 4%/năm, nguồn vốn cấp bù lãi suất từ NSNN (giá trị hỗ trợ khoảng 3.000 tỷ đồng).

- **Gói tiền tệ - tín dụng bổ sung**, bao gồm:

(i) Cho vay lãi suất ưu đãi cho một số đối tượng rõ ràng, minh bạch, có lộ trình kết thúc cụ thể: cấp tín dụng với lãi suất ưu đãi quy mô khoảng 450 nghìn tỷ đồng cho một số DN gặp khó khăn về tài chính trong **1 số lĩnh vực rất khó khăn** như vận tải, du lịch, dệt may, da giày, giáo dục – đào tạo... với điều kiện phải đáp ứng ít nhất **5 tiêu chí sau**: (i) tính lan tỏa (tác động tích cực tới các ngành, lĩnh vực khác), (ii) lao động (tạo nhiều công ăn việc làm), (iii) có khả năng áp dụng công nghệ và năng lượng sạch, (iv) có khả năng phục hồi, và (v) cam kết không sa thải nhân viên (hoặc không quá 10%). Nguồn hỗ trợ lãi suất khi đó sẽ khoảng 9.000 tỷ đồng, huy động từ NSNN.

(ii) Thúc đẩy cho vay tiêu dùng theo hướng: (i) hoàn thiện cơ chế, chính sách trong việc phân rõ hơn giữa cho vay tiêu dùng của Công ty tài chính với NHTM; (ii) hoàn thiện hành lang pháp lý trong việc quản lý, giám sát các công ty tài chính;

Đề xuất điều chỉnh đối với các gói hỗ trợ hiện hành

Đề xuất bổ sung một số chính sách, gói hỗ trợ mới (giai đoạn 2)

Đối với gói tài khóa

Đối với gói tiền tệ - tín dụng

và (iii) đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu dân cư quốc gia, góp phần thúc đẩy tài chính – ngân hàng số; (iii) Tăng cường cho vay tái cấp vốn và xem xét giảm phí bảo hiểm tiền gửi đối với các TCTD trên cơ sở phân loại TCTD của NHNN (từ quý 4/2020 đến hết năm 2021), để các TCTD có điều kiện tiếp tục giảm lãi suất cho vay; (iv) Thúc đẩy gói cho vay nhà ở xã hội (gói 3.000 tỷ đồng...) và Bộ Xây dựng chủ trì sớm đề xuất cơ chế động lực để DN nghiệp đầu tư phát triển nhà ở xã hội; (v) Khuyến khích cho vay đầu tư trang thiết bị y tế, hạ tầng y tế, nghiên cứu vaccine, hạ tầng viễn thông (5G) và các lĩnh vực ưu tiên khác.

Đối với gói an sinh-xã hội

- **Gói an sinh xã hội: khoảng 90 nghìn tỷ đồng**, bao gồm: (i) Mở rộng đối tượng hỗ trợ, trong đó bổ sung đối tượng lao động phi chính thức với mức hỗ trợ dự kiến là 900 nghìn đồng/người/tháng, trong 3 tháng (quý 4/2020) với quy mô dự kiến là 86 nghìn tỷ đồng; (ii) Hỗ trợ chi phí đào tạo nghề cho lao động chuyển nghề do mất/thay đổi việc làm, nâng cao tay nghề để có thể tận dụng cơ hội dịch chuyển vốn đầu tư/chuỗi sản xuất...v.v. Quy mô chương trình dự kiến 3.400 tỷ đồng/năm, trong đó 50% từ ngân sách TW và từ ngân sách địa phương, 50% từ đóng góp của các DN hưởng lợi từ lao động được đào tạo này.

- **Đồng thời, cần đồng bộ tiếp tục thực hiện một số giải pháp khác như:**

(i) Cần đề xuất có cơ chế, phân quyền đặc thù cho Thủ tướng Chính phủ và Chính phủ để có thể ra quyết định nhanh chóng, kịp thời;

(ii) Tạo điều kiện cho SCIC đầu tư vào các DN chịu tác động mạnh, có khả năng phục hồi và phát triển thông qua hình thức mua cổ phần hoặc trái phiếu doanh nghiệp; khuyến khích SCIC đầu tư vào các DN chịu tác động mạnh bởi dịch Covid-19 thỏa mãn **5 tiêu chí** như nêu trên. Các khoản đầu tư này có thời hạn không quá **3-5 năm** và phải có kế hoạch thoái vốn cụ thể, khả thi;

(iii) Tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh theo hướng thực chất hơn nữa nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp; nhất là về thủ tục hành chính (kể cả đối với các gói hỗ trợ), tăng cường ứng dụng CNTT nhằm tăng tốc độ xử lý công việc, thu hút dòng vốn FDI trong bối cảnh dịch chuyển chuỗi sản xuất;

(iv) Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ giải ngân đầu tư công như là một giải pháp bù đắp thiếu hụt động lực tăng trưởng trong năm 2020 và cũng là động lực tăng trưởng dài hạn, với điều kiện không hình thức, không giải ngân bằng mọi giá mà vẫn đảm bảo yêu cầu chất lượng;

(v) Đẩy mạnh xuất khẩu, nhất là các thị trường còn nhiều dư địa ngay sau khi dịch được kiểm soát như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, ASEAN, Hoa Kỳ và EU; và tận dụng tốt hơn nữa các hiệp định CPTPP và EVFTA;

(vi) Đẩy nhanh tiến trình phát triển kinh tế số, Chính phủ điện tử và thanh toán, giao dịch điện tử; vừa là để tăng năng suất lao động, vừa là theo kịp xu thế và giảm rủi ro lây lan dịch bệnh do tương tác trực tiếp.

VIỆN ĐÀO TẠO VÀ NGHIÊN CỨU

773 Hồng Hà, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 0243.932.3891

Email: phongncktdtnc@bidv.com.vn



CHUYÊN GIA KINH TẾ TRƯỞNG BIDV
TS. Cấn Văn Lực



Phó giám đốc: Nguyễn Thị Minh Thu
Email: thunm@bidv.com.vn



Ông Nguyễn Hải Bình - Phòng nghiên cứu kinh tế
Email: binhnh@bidv.com.vn

LƯU Ý SỬ DỤNG THÔNG TIN

Đây là Báo cáo của Viện Đào tạo và Nghiên cứu BIDV. Báo cáo này mang tính độc lập, thể hiện quan điểm của các thành viên trong Viện, không phải là quan điểm chính thức của BIDV, được cung cấp để Ban lãnh đạo BIDV và một số lãnh đạo, tổ chức bên ngoài tham khảo, trao đổi; qua đó nhận định đánh giá để đưa ra quyết sách phù hợp. Báo cáo này chỉ để tham khảo và không nhằm mục đích tư vấn tài chính hoặc tư vấn đầu tư. Bất kỳ nhận định nào trong Báo cáo này cũng có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Viện Đào tạo và Nghiên cứu BIDV không có nghĩa vụ và không chịu trách nhiệm đối với những tổn thất hay thiệt hại xảy ra cho bất cứ tổ chức hoặc cá nhân nào do việc sử dụng những thông tin và nhận định trong Báo cáo này.